

Số: 47/2016/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Xác định chiều sâu vành đai Biên giới
và xác lập vùng cấm trong khu vực Biên giới tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Biên giới Quốc gia ngày 17 tháng 06 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 03 năm 1997;

*Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ về Quy chế khu vực Biên giới đất liền Nước cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ
Quốc phòng về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-
CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực Biên giới đất
liền Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 6222/TTr-UBND, ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị thông qua Nghị quyết xác định vành đai
biên giới và vùng cấm trong khu vực biên giới; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp
chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài hoạt động trong
khu vực Vành đai biên giới và Vùng cấm trên Biên giới tỉnh Đắk Nông.

2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng
cấm trên Biên giới tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới

1. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc huyện Cư Jút
 - Vành đai Biên giới là phần lãnh thổ có giới hạn chiều sâu từ 700m, đến 1.000m tính từ đường Biên giới trở vào.
2. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc huyện Đắk Mil
 - Vành đai Biên giới có giới hạn chiều sâu từ 100m đến 1.000m tính từ đường Biên giới trở vào.
3. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc huyện Đắk Song
 - Vành đai Biên giới có giới hạn chiều sâu từ 300m đến 1.000m tính từ đường Biên giới trở vào.
4. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc huyện Tuy Đức
 - Vành đai Biên giới có giới hạn chiều sâu từ 100m đến 1.000m tính từ đường Biên giới trở vào.

(Chi tiết xác định chiều sâu vành đai Biên giới quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Xác lập Vùng cấm

1. Khu vực Biên giới huyện Cư Jút
 - Xã Đắk Wil: Gồm 06 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 230 ha);
2. Khu vực Biên giới huyện Đắk Mil
 - Xã Đắk Lao: Gồm 11 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 1.018,9 ha);
 - Xã Thuận An: Gồm 06 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 268 ha);
3. Khu vực Biên giới huyện Đắk Song
 - Xã Thuận Hạnh: Gồm 11 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 153 ha);
 - Xã Thuận Hà: Gồm 03 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 80 ha);
4. Khu vực biên giới huyện Tuy Đức
 - Xã Đắk Buk So: Gồm 21 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 253 ha);
 - Xã Quảng Trực: Gồm 19 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 270 ha).

(Chi tiết xác lập Vùng cấm quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết, triển khai cấm các loại biển báo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực ngày 25 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
 - Ban Công tác đại biểu;
 - Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao;
 - Cục kiểm tra văn bản – Bộ tư pháp;
 - Ban chỉ đạo Tây nguyên;
 - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
 - Vp: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
 - Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
 - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
 - Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
 - Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn



Phụ lục số 01:

(Ban hành theo Nghị quyết số **47**./2016/NQ-HĐND ngày **22**/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

XÁC ĐỊNH CHIỀU SÂU VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI**1. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc khu vực huyện Cư Jút**

- Vành đai Biên giới là phần lãnh thổ có giới hạn chiều sâu từ 700m đến 1.000m tính từ đường Biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp tỉnh Đắk Lắk tọa độ (16300 78800) đến đoạn Biên giới tiếp giáp huyện Đắk Mil tọa độ (05570 79820).

2. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc khu vực huyện Đắk Mil

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 250m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường quốc lộ 14c. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp huyện Cư Jut tọa độ (05570 79820) đến tọa độ (94360 81660);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 1.000m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (94360 81660) đến tọa độ (91215 80570);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 120m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường tuần tra. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (91215 80570) đến tọa độ (87200 80150);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 500m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (87200 80150) đến tọa độ (84750 79125);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 150m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường tuần tra. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (84750 79125) đến tọa độ (80725 80165);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 1.000m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (80725 80165) đến tọa độ (73750 76610);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 100m đến 250m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường tuần tra. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (73750 76610) đến tọa độ (71682 76715);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 1.000m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (71682 76715) đến tọa độ (69240 77220);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 120m đến 400m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường tuần tra. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (69240 77220) đến đoạn biên giới tiếp giáp huyện Đắk Song tọa độ (67455 77070);



3. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc khu vực huyện Đắk Song

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 1.000m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp huyện Đắk Mil tọa độ (67455 77070) đến tọa độ (64400 74000);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 300m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường quốc lộ 14c. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (64400 74000) đến đoạn biên giới tiếp giáp xã Thuận Hà tọa độ (60210 66520);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 300m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường quốc lộ 14c. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp xã Thuận Hạnh tọa độ (60210 66520) đến đoạn biên giới tiếp giáp huyện Tuy Đức tọa độ (55780 65310);

4. Xác định chiều sâu vành đai Biên giới thuộc khu vực huyện Tuy Đức

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 100m đến 500m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Tây đường quốc lộ 14c. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp huyện Đắk Song tọa độ (55780 65310) đến đoạn biên giới ngã 3 Tuy Đức tọa độ (54750 64820);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 200m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới ngã 3 Tuy Đức tọa độ (54750 64820) đến ngã 3 chốt Trương Tấn Bửu tọa độ (56050 60500);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 500m đến 700m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp ngã 3 chốt Trương Tấn Bửu tọa độ (56050 60500) đến tọa độ (61665 57135), với chiều dài khoảng 8,3 km;

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu từ 100m đến 1.000m tính từ đường biên giới trở vào đến mép Bắc đường tuần tra. Xác định từ đoạn biên giới tọa độ (61665 57135) đến Cầu trên đường tuần tra tọa độ (63243 48650);

- Vành đai biên giới có giới hạn chiều sâu là 1.000m tính từ đường biên giới trở vào. Xác định từ đoạn biên giới tiếp giáp Cầu trên đường tuần tra tọa độ (63243 48650) đến đoạn biên giới tiếp giáp tỉnh Bình Phước tọa độ (59320 39950);

Phụ lục số 02:

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~47~~../2016/NQ-HĐND ngày ~~22~~/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

XÁC LẬP VÙNG CẨM**1. Khu vực biên giới huyện Cư Jút**

Xã Đăk Wil: 06 điểm vùng cẩm (với tổng diện tích là 230 ha)

- Căn cứ chiến đấu đồn BP 751, tọa độ trung tâm (12020 83950) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao 294, tọa độ trung tâm (12960 81450) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (11950 80350) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao 423, tọa độ trung tâm (05380 02150), với diện tích 50 ha;
- Dãy núi Yôk Sé, tọa độ trung tâm (06900 02420) với diện tích 150 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 753, tọa độ trung tâm (05450 82510) với diện tích 10 ha.

2. Khu vực biên giới huyện Đăk Mil

Xã Đăk Lao: 11 điểm vùng cẩm (với tổng diện tích là 1.018,9 ha)

- Căn cứ chiến đấu đồn BP 755, tọa độ trung tâm (96460 82520) với diện tích 10 ha;
- Trạm kiểm soát BP Đăk Ken, tọa độ trung tâm (90100 84050) với diện tích 02 ha;
- Dãy núi Yôk R' Bêu, tọa độ trung tâm (84100 80850) với diện tích 20 ha;
- Dãy núi Yôk R' Djing, tọa độ trung tâm (85300 82200) với diện tích 50 ha;
- Điểm cao 678, tọa độ trung tâm (82750 83900) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao 671, tọa độ trung tâm (80900 81200) với diện tích 500 ha;
- Điểm cao 702, tọa độ trung tâm (77750 79200) với diện tích 20 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 757, tọa độ trung tâm (88025 83150) với diện tích 10 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 759, tọa độ trung tâm (79730 82750) với diện tích 10 ha.
- Căn cứ Hậu cần BDBP tỉnh, tọa độ trung tâm (87410 87830) với diện tích 285,7 ha;
- Thao trường bắn súng của Quân sự huyện Đăk Mil, tọa độ trung tâm (92780 90910) với diện tích 103 ha.

Xã Thuận An: 06 điểm vùng cẩm (với tổng diện tích là 268 ha)

- Dãy núi Yôk Kler Ho, tọa độ trung tâm (73250 77450) với diện tích 50 ha;
- Điểm cao 832, tọa độ trung tâm (71600 77500), với diện tích 20 ha;



- Núi lửa (điểm cao 803), tọa độ trung tâm (72550 80175) với diện tích 25 ha (Xây dựng phát triển kinh tế kết hợp với An ninh, Quốc phòng);
- Dãy núi Yôk The Rain, tọa độ trung tâm (71600 79175) với diện tích 10 ha;
- Đồi chân Chim, tọa độ trung tâm (69650 78340) với diện tích 150 ha. Trong đó căn cứ chiến đấu đồn BP 761 tại điểm cao 843, tọa độ (71050 78800) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (73050 79950) với diện tích 03 ha.

3. Khu vực biên giới huyện Đăk Song

Xã Thuận Hạnh: 11 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 153 ha).

- Khu vực Yôk Đăk Song và căn cứ đồn Biên phòng 763, tọa độ trung tâm (65050 79500) với diện tích 10 ha;
- Khu vực Đăk Song, tọa độ trung tâm (64150 78700) với diện tích 31 ha;
- Điểm cao 928, tọa độ trung tâm (63750 78650) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao 943, tọa độ trung tâm (62800 80150) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao 893, tọa độ trung tâm (65800 76000) với diện tích 25 ha;
- Điểm cao 892, tọa độ trung tâm (63850 73050) với diện tích 30 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (63600 72400) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao 902, tọa độ trung tâm (62375 72250), diện tích 20 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (64625 78315) với diện tích 01 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (65045 77540) với diện tích 01 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 765, tọa độ trung tâm (60730 70560) với diện tích 05 ha.

Xã Thuận Hà: 03 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 80 ha)

- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (59650 66500) với diện tích 30 ha;
- Điểm cao 953, tọa độ trung tâm (57750 65850) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao 905, tọa độ trung tâm (58438 72019) với diện tích 30 ha.

4. Khu vực biên giới huyện Tuy Đức

Xã Đăk Buk So: 21 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 253 ha)

- Điểm cao 939 tọa độ trung tâm (54400 65350), với diện tích 30 ha. Trong đó căn cứ chiến đấu đồn BP 767 tại điểm cao 928, tọa độ trung tâm (53750 66750) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao 918, tọa độ trung tâm (52524 65540) với diện tích 15 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (52175 67490) với diện tích 03 ha;
- Điểm cao 911, tọa độ trung tâm (51050 65800) với diện tích 30 ha;
- Điểm cao 911, tọa độ trung tâm (51600 70200) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao 884, tọa độ trung tâm (52245 71930) với diện tích 30 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (49500 73100) với diện tích 15 ha;
- Điểm cao 851, tọa độ trung tâm (50780 74000) với diện tích 20 ha;

- Điểm cao 875, tọa độ trung tâm (46380 67470) với diện tích 25 ha;
- Khu vực Đài liệt sỹ, tọa độ trung tâm (51250 68750) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (49800 67800) với diện tích 03 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (69800 67600) với diện tích 08 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (51000 67525) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao 918, tọa độ trung tâm (52550 66535) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao 935, tọa độ trung tâm (54310 63900) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (55398 65250) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (55885 65250) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (53150 65300) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (53850 65000) với diện tích 02 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (49500 65200) với diện tích 10 ha;
- Nam điểm cao 983, tọa độ trung tâm (50450 65200) với diện tích 10 ha.

Xã Quảng Trục: 19 điểm vùng cấm (với tổng diện tích là 270 ha)

- Đồi Chè, tọa độ trung tâm (56800 58000) với diện tích 15 ha;
- Điểm cao 911, tọa độ trung tâm (58760 58250) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao 905, tọa độ trung tâm (59380 58100) với diện tích 20 ha;
- Chốt Năm Sao, tọa độ trung tâm (56540 47870) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (58900 50200) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao 845, tọa độ trung tâm (58850 52670) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (55550 60400) với diện tích 10 ha và điểm cao liền kề tọa độ trung tâm (55270 59910) với diện tích 05 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (57600 53050) với diện tích 10 ha;
- Khu vực Dộc Rla gồm điểm cao 861 và điểm cao 865, tọa độ trung tâm (58650 54000) với diện tích 20 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 769 tại điểm cao 866, tọa độ (57000 55450) với diện tích 05 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 771, tọa độ trung tâm (58200 50300) với diện tích 10 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (58300 50800) với diện tích 05 ha;
- Sân bay Bu K' rắc, tọa độ trung tâm (56450 48385) với diện tích 20 ha;
- Căn cứ chiến đấu đồn BP 775, tọa độ trung tâm (54835 51455) với diện tích 05 ha;
- Khu vực Dộc Grao gồm các điểm cao liền kề: Điểm cao 851 tọa độ (60850 51550) diện tích 10 ha; điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (60330 51650) diện tích 05 ha; điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (60550 51950) với diện tích 10 ha;
- Khu vực đồn BP 771 cũ, tọa độ trung tâm (62790 50790) với diện tích 10 ha;

GẮN NƠI

- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (58100 49250) với diện tích 20 ha;
- Điểm cao không tên, tọa độ trung tâm (53300 61400) với diện tích 15 ha;
- Điểm cao 924, tọa độ trung tâm (55200 58800) với diện tích 10 ha.

* Tổng số điểm vùng cấm trên khu vực Biên giới tỉnh Đắk Nông là 77 điểm./.